| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 181/2020/QĐ-PT | *Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

## TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng phúc thẩm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Vũ Minh Tuấn;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

***- Thư ký phiên họp:*** Ông Nguyễn Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp:*** Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên cao cấp.

## NHẬN THẤY:

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 01/2020/QĐST-HC ngày 06/3/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 145 của Luật Tố tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về "Khiếu kiện hủy quyết định hành chính", giữa:

- *Người khởi kiện:*

1. Ông Vũ Văn O sinh năm 1965;

2. Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1968;

Cùng cư trú tại: Tổ B, phường C (phường T1 cũ), thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ;

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Hoàng Anh V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2019);

Địa chỉ tại: Phố Đ, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường T1 (nay là phường C), thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường*

*C):* Ông Phạm Đức A1 - Công chức địa chính xây dựng Ủy ban nhân phường T1 (Văn bản ủy quyền ngày 14/02/2020).

2. Bà Vũ Thị T2 đã chết ngày 25/9/2019;

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Vũ Thị T2:*

- Chị Nguyễn Thị G sinh năm 1987; cư trú tại: Phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Văn S sinh năm 1990; cư trú tại: Khu X, phường C (phường T1 cũ), thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 13/3/2020, người khởi kiện là ông Vũ Văn O và bà Nguyễn Thị T đơn kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 01/2020/QĐST-HC ngày 06/3/2020 nêu trên.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn O và bà T.

## XÉT THẤY:

[1] Ngày 31/10/2019, ông Vũ Văn O và bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã P, tỉnh Phú Thọ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 144075 do UBND thị xã P cấp cho ông Vũ Văn O ngày 04/5/2012 đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ 28, tại khu 7, phường T1 (nay là phường C), thị xã P (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ số BK 144075 ngày 04/5/2012), với lý do diện tích đất của gia đình ông được mẹ của ông là cụ Đinh Thị P1 cho là 212m$^2$ nhưng khi cấp GCNQSDĐ thì diện tích đất ông được công nhận quyền sử dụng chỉ là 158,4m$^2$, cấp thiếu 53,6m$^2$.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[2.1] Ngày 21/4/2012, tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Phú Thọ, cụ P1 (là mẹ của ông O), ông O và các chị em ruột của ông O là bà Vũ Thị T2, bà Vũ Thị D lập văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản thừa kế. Theo đó, ông O được quyền sử dụng diện tích 212m$^2$ đất tại Khu X, phường C (phường T1 cũ), thị xã P theo GCNQSDĐ số R140542 do UBND thị xã P cấp ngày 21/9/2000.

[2.2] Tuy nhiên, tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 24/4/2012 thể hiện: Tổng diện tích đất của gia đình cụ P1 là 158,4m$^2$. Phần đất tặng cho ông O theo chỉ giới 1, 2, 3, 4, 5 có diện tích là 158,4m$^2$, trong đó đất ở là 40m$^2$, đất vườn là 118,4m$^2$ (đất vườn nằm trong hành lang bảo vệ đê); không còn phần diện tích theo chỉ giới; phần diện tích giảm so với GCNQSDĐ do UBND thị xã P cấp ngày 21/9/2000 là 53,6m$^2$; biên bản này có chữ ký của đại diện và cán bộ địa chính UBND phường, Trưởng khu X, các hộ liên kề, ông O và điểm chỉ cụ P1. Ngày 04/5/2012, UBND thị xã P cấp cho ông Vũ Văn O GCNQSDĐ số BK 144075 đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ 28, diện tích 158,4m$^2$, tại Khu X, phường C (phường

T1 cũ), thị xã P.

[2.3] Đến ngày 07/01/2016, ông O chuyển nhượng cho bà Vũ Thị M 72,7m$^2$ đất vườn và ngày 22/01/2016 bà M được UBND thị xã P cấp GCNQSDĐ số CB819211 đối với thửa 83 (tách từ thửa 75), tờ bản đồ 28, diện tích là 72,7m$^2$, Khu X, phường C (phường T1 cũ), thị xã P. Diện tích còn lại gia đình ông O đang sử dụng là 85,7m$^2$ (trong đó có 40m$^2$ đất ở và 45,7m$^2$ đất vườn).

[3] Như vậy, từ khi đo đạc hiện trạng đến khi được cấp GCNQSDĐ số BK 144075 ngày 04/5/2012 và thực hiện quyền của người sử dụng đất (chuyển nhượng đất cho bà M), ông O biết rõ diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp ông O (được thừa kế và tặng cho), được công nhận quyền sử dụng và được cấp GCNQSDĐ số BK 144075 ngày 04/5/2012 là 158,4m$^2$ thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ 28, tại Khu X, phường C (phường T1 cũ), thị xã P. Do đó, ngày 31/10/2019, ông O, bà T có đơn khởi kiện với nội dung như nêu trên, là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Mặt khác, trong các ngày 23/8/2018 và ngày 20/9/2018, ông O đã gửi đơn đến UBND phường T1 đề nghị giải quyết về GCNQSDĐ số BK 144075 ngày 04/5/2012. Sau khi làm việc với UBND phường T1 vào các ngày 18/10/2018, 25/10/2018, 22/11/2018 và 28/11/2018, ông O đã rút đơn đề nghị và công nhận diện tích đất mà ông được quyền sử dụng được ghi GCNQSDĐ số BK 144075 ngày 04/5/2012.

[5] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông O, bà T là đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính.

[6] Tại phiên họp phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông O, bà T cần giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án cấp sơ thẩm.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông O, bà T mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 243 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Vũ Văn O và bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 01/2020/QĐST-HC ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Văn O và bà Nguyễn Thị T

mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ với 600.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông Vũ Văn O và bà Nguyễn Thị T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004090 ngày 18/3/2020, xác nhận ông Vũ Văn O và bà Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: P. HCTP-VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

*(Đã ký)*

**Vũ Minh Tuấn**